UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TÂN LẬP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109 /TB-UBND	*Tân Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2023*

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai thu, chi ngân sách phường Tân Lập 6 tháng năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND Phường Tân Lập Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai:

- Bảng cân đối thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 (Biểu số 113)
- Biểu ước thực hiện thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2023(Biểu số 114)
- Biểu ước thực hiện chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023(Biểu số 115)

Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của phường;

2. Thời gian công khai: 30 ngày liên tục kể từ ngày 05/07/2023 đến hết ngày 04/08/2023.

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về văn phòng UBND phường Tân Lập.

Vậy UBND phường Tân Lập thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường để xem niêm yết công khai thu chi ngân sách phường 6 tháng năm 2023 theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng TC-KH thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- MTTQ và các tổ chức chính trị phường;
- Trụ sở UBND phường;
- Tổ trưởng các TDP phường;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN LẬP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2023

THUYẾT MINH
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Phường Tân 6 tháng năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quyđịnh chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việchướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND phường Tân Lập về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách phường Tân Lập năm 2023.

UBND phường thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách 6 tháng năm 2023:

Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 3.864.939.788 đồng/11.625.000.000 đồng bằng 33,24% kế hoạch. Trong đó có một số chỉ tiêu đạt kết quả cao như ,phí môn bài, thu khác.

Tổng thu ngân sách phường ước đạt 449.906.741 đồng/1.217.300.000.000 đồng bằng 36,95% kế hoạch

2. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách 6 tháng năm 2023:

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 2.363.981.208 đồng/5.684.262.000 đồng = 41,6% dự toán.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2023 UBND phường đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong 6 tháng đầu năm 2023 công tác tài chính - Ngân sách của phường còn gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng …

Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán được giao ngay từ đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng, đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN	CHỦ TỊCH UBND
Nguyễn Thị Chung Thủy	Nguyễn Hồng Thuận

UBND Phường Tân Lập
Mã QHNS: 1032001

Biểu số 113/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ(6 THÁNG,NĂM
6 tháng năm 2023

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	**Tổng số thu**	**5.681.918.000**	**7.224.563.785**	**127,2**
1.	**Các khoản thu 100%**	**60.000.000**	**131.415.000**	**219**
2.	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**1.157.300.000**	**318.491.741**	**27,5**
3.	**Thu chuyển nguồn**		**4.397.695.044**	**#DIV/0!**
4.	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.464.618.000**	**2.376.962.000**	**53,2**
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.464.618.000	2.304.618.000	27,43
	- Bổ sung có mục tiêu		72.344.000	
II.	**Tổng số chi**	**6.664.856.898**	**2.363.981.208**	**35,5**
1.	Chi đầu tư phát triển	980.594.898		
2.	Chi thường xuyên	5.571.723.000	2.363.981.208	42,4
3.	Dự phòng	112.539.000		
4	Chi chuyển nguồn			

UBND Phường Tân Lập

Mã QHNS: 1032001

Biểu số 114/CK TC-NSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

ĐVT : Đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**11.625.000.000**	**5.681.918.000**	**10.639.596.832**	**7.224.563.784**	**91,52**	**127,15**
I. Các khoản thu 100%	**60.000.000**	**60.000.000**	**71.640.000**	**67.215.000**	**119,40**	**112,03**
- Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	25.701.000	25.701.000	**51,40**	**51,40**
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu tiền bồi thường đất KDC số 2						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	45.939.000	41.514.000	459,39	415,14
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**11.565.000.000**	**1.157.300.000**	**3.793.299.788**	**382.691.740**	**32,80**	**33,07**
1. Các khoản thu phân chia	**3.650.000.000**	**429.800.000**	**1.566.424.443**	**210.876.032**	**42,92**	**49,06**
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	350.000.000	35.000.000	131.965.670	13.196.588	37,70	37,70
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	72.000.000	72.000.000	64.200.000	64.200.000	89,17	89,17
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.974.000.000	197.400.000	483.587.225	48.358.729	24,50	24,50
- Thuế giá trị gia tăng	1.254.000.000	125.400.000	886.671.548	85.120.715	70,71	67,88
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	**7.915.000.000**	**727.500.000**	**2.226.875.345**	**171.815.708**	**28,13**	**23,62**
- Thuế TNDN	640.000.000		9.435.150		1,47	
- Thuế thu nhập đất	7.275.000.000	727.500.000	1.789.746.807	171.815.708	24,60	23,62
- Thuế TNCN hộ			426.718.389			
- Tiền nộp chậm thuế			974.999			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			**4.397.695.044**	**4.397.695.044**		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		**4.464.618.000**	**2.376.962.000**	**2.376.962.000**		**53,24**
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.464.618.000	2.304.618.000	2.304.618.000		51,62
- Bổ sung có mục tiêu			72.344.000	72.344.000		

UBND Phường Tân Lập
Mã QHNS: 1032001

Biểu số 115/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	**5.684.262.000**		**5.684.262.000**	**2.363.981.208**		**2.363.981.208**	**41,59**		**41,59**
A. Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	**5.684.262.000**		**5.684.262.000**	**2.363.981.208**		**2.363.981.208**	**41,59**		**41,59**
I. Chi đầu tư phát triển									
1. Chi đầu tư XDCB									
2. Chi đầu tư phát triển khác									
II. Chi thường xuyên	**5.684.262.000**		**5.684.262.000**	**2.363.981.208**		**2.363.981.208**	**41,59**		**41,59**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	1.093.575.000		1.093.575.000	505.052.862		505.052.862	46,18		46,18
- Chi dân quân tự vệ	779.575.000		779.575.000	360.032.862		360.032.862	46,18		46,18
- Chi trật tư an toàn xã hội	314.000.000		314.000.000	145.020.000		145.020.000	46,18		46,18
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	169.000.000		169.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	12.700.000		12.700.000	50,8		50,8
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000						
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000						
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.176.240.000		4.176.240.000	1.832.818.346		1.832.818.346	43,89		43,89
Trong đó: Quỹ lương				1.667.167.102		1.667.167.102			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.890.370.000		1.890.370.000	1.023.048.796		1.023.048.796	54,12		54,12
10.2. Hội đồng nhân dân	380.000.000		380.000.000	125.074.442		125.074.442	32,91		32,91
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	450.000.000		450.000.000	320.853.396		320.853.396	71,3		71,3

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	600.000.000		600.000.000	149.296.497		149.296.497	24,88		24,88
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	300.000.000		300.000.000	39.696.101		39.696.101	13,23		13,23
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	200.000.000		200.000.000	49.737.890		49.737.890	24,87		24,87
10.7. Hội Cựu chiến binh	100.000.000		100.000.000	21.240.900		21.240.900	21,24		21,24
10.8. Hội Nông dân	123.500.000		123.500.000	46.507.124		46.507.124	37,66		37,66
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	9.892.000		9.892.000						
10.10. Hội Người cao tuổi	33.000.000		33.000.000	14.840.400		14.840.400	44,97		44,97
10.11. Hội khuyến học	17.766.000		17.766.000	8.046.000		8.046.000	45,29		45,29
10.12. Hội đặc thù	71.712.000		71.712.000	34.476.800		34.476.800	48,08		48,08
11. Chi cho công tác xã hội	72.908.000		72.908.000	13.410.000		13.410.000	18,39		18,39
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Đội XH tình nguyện	36.000.000		36.000.000	13.410.000		13.410.000	37,25		37,25
- Khác	36.908.000		36.908.000						
12. Chi khác									
13. Dự phòng	112.539.000		112.539.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 11 tháng 1 năm 2024